

# **TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG XÂY DỰNG CÁO TRẠNG VÀ KỸ NĂNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI CÁC PHIÊN TÒA HÌNH SỰ**

*Hoàng Ngọc Cần*

## **I. KỸ NĂNG XÂY DỰNG BẢN CÁO TRẠNG**

### ***1.1. Căn cứ pháp luật để xây dựng bản cáo trạng***

Theo từ điển tiếng Việt thì bản cáo trạng là bản nêu tội trạng (Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, xuất bản năm 1995, trang 110).

Khoản 3 Điều 166 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “Trong trường hợp truy tố thì trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định truy tố bằng bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải gửi hồ sơ và bản cáo trạng đến Tòa án”. Như vậy, bản cáo trạng cũng chính là quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cũng dành hẳn một điều (Điều 167) quy định về Bản cáo trạng. Điều luật này quy định cụ thể những vấn đề về nội dung và hình thức của bản cáo trạng.

### ***1.2. Giá trị pháp lý của bản cáo trạng***

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan Điều tra có trách nhiệm khởi tố và điều tra với các vụ án hình sự. Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra các vụ án hình sự.

Kết thúc việc điều tra, nếu thấy đủ căn cứ pháp luật để truy tố thì Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố. Bản kết luận điều tra, cùng với hồ sơ vụ án được chuyển sang Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát nghiên cứu, quyết định việc truy tố. Nếu Viện kiểm sát quyết định việc truy tố thì Viện kiểm sát làm bản cáo trạng. Bản cáo trạng và hồ sơ vụ án sẽ được chuyển sang Tòa án.

Bản cáo trạng là văn pháp lý do Viện kiểm sát ban hành để thực hiện quyền công tố Nhà nước trong việc quyết định truy tố. Có nhiều cơ quan được giao tiến hành tố tụng, nhưng quyết định việc truy tố tội phạm và người phạm tội ra trước Tòa án thì chỉ duy nhất có Viện kiểm sát.

Khi đã ban hành Bản cáo trạng cũng là lúc Viện kiểm sát kết thúc giai đoạn thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, chuyển sang hoạt động nghiệp vụ mới là thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (mục 1,2,3 và 4, chương II Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014). Bản cáo trạng cũng đồng thời mở ra giai đoạn mới trong tố tụng: giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Nội dung bản cáo trạng cũng đồng thời giới hạn phạm vi xét xử của Tòa án. Bởi vì, theo quy định của Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự (năm 2003) thì: “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử.

Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”.

Từ quy định của điều luật này, Bản cáo trạng cũng là căn cứ để Tòa án chuẩn bị cho việc xét xử, ví dụ:

-Yêu cầu Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên (Điều 305)

- Thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên nếu bị cáo là người chưa thành niên (Điều 307).

- Triệu tập số lượng thành phần Hội đồng xét xử (Điều 185), thông thường là một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân. Nếu bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì Hội đồng xét xử gồm 2 thẩm phán và 3 hội thẩm nhân dân.

Do Bản cáo trạng chính là quyết định truy tố nên những người tham gia tố tụng như: Luật sư, Bị cáo, người bị hại, người giám hộ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ...căn cứ vào đó để chuẩn bị cho việc bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình tại phiên tòa.

### ***1.3. Yêu cầu của Bản cáo trạng***

### *1.3.1. Bố cục và yêu cầu về nội dung của Bản cáo trạng*

Thực hiện theo mẫu số 107 Ban hành kèm theo Quyết định số 07/ ngày 2/1/2008 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

### *1.3.2. Yêu cầu về hình thức của Bản cáo trạng*

Bản cáo trạng là văn bản pháp lý quan trọng do Viện kiểm sát nhân dân ban hành thể hiện tập trung quyền công tố Nhà nước trong việc truy tố bị cáo ra trước Tòa. Vì thế, ngoài phần yêu cầu về nội dung như đã trình bày ở trên, yêu cầu về hình thức đối với Bản cáo trạng cũng hết sức quan trọng.

Trước hết: Bản cáo trạng phải được lập theo đúng kỹ thuật xây dựng văn bản. Người ký Bản cáo trạng phải là người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Viện trưởng, phó Viện trưởng cấp quận, huyện, thị xã. Ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Kiểm sát viên giữ chức vụ Vụ trưởng, Phó vụ trưởng).

Bản cáo trạng phải được lập theo đúng quy định ở Điều 167 Bộ luật tố tụng hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có hướng dẫn tại Quyết định 07 ngày 2/1/2008, cần theo hướng dẫn đó để xây dựng từng bản cáo trạng cụ thể.

Bố cục của Bản cáo trạng phải chặt chẽ, câu viết phải trong sang, đúng ngữ pháp, không lỗi chính tả. Lý lẽ đưa ra khi lập luận phải chặt chẽ, sắc bén, có tính thuyết phục cao.

Bản cáo trạng phải được đánh máy sạch sẽ, rõ ràng, đầy đủ dấu (Fon tiếng Việt). Không tẩy xóa, viết thêm... tùy tiện, thiếu nghiêm túc.

Về tên gọi: thống nhất trong toàn Ngành gọi là Bản cáo trạng (trước gọi là Cáo trạng).

Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ban hành Bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải thông báo cho người bào chữa biết, giao Bản cáo trạng cho bị can (có biên bản giao nhận). Cũng trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ban hành Bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải gửi hồ sơ và Bản cáo trạng đến Tòa án.

### *1.3.3. Trình tự xây dựng Bản cáo trạng*

Căn cứ vào khả năng, trình độ nghiệp vụ của từng Kiểm sát viên, lãnh đạo Viện (ở cấp quận, huyện) hoặc lãnh đạo phòng (ở cấp tỉnh, thành phố) sẽ phân công từng vụ án cụ thể cho các Kiểm sát viên. Kiểm sát viên được giao vụ án nào

sẽ thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử đối với vụ án đó.

Sau khi kết thúc việc kiểm sát điều tra nếu vụ án truy tố thì Kiểm sát viên phải chuẩn bị xây dựng Bản cáo trạng theo các nội dung đã hướng dẫn. Bản cáo trạng dự thảo phải được thông qua lãnh đạo, để lãnh đạo xem xét, góp ý, sửa chữa. Đối với những vụ án quan trọng, phức tạp, dự thảo Bản cáo trạng có thể phải thông qua tập thể Lãnh đạo Viện hoặc Ủy ban kiểm sát.

Trên cơ sở nắm vững những quy định chung để xây dựng Bản cáo trạng như đã phân tích ở trên. Mỗi kiểm sát viên phải tự mình học tập rèn luyện về kỹ năng để xây dựng những Bản cáo trạng có chất lượng tốt, góp phần trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tiến trình cải cách hoạt động của các cơ quan tư pháp theo tinh thần chỉ đạo Nghị quyết 08 ngày 2/1/2002 của Bộ chính trị.

## **II. KỸ NĂNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI CÁC PHIÊN TÒA HÌNH SỰ**

Tranh tụng là nguyên tắc hiến định được ghi trong hiến pháp năm 2013, được nhắc lại trong luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chỉ thị số 01/ CT-VKSTC ngày 28-12-2016 của Viện trưởng VKSNDTC về công tác của Ngành kiểm sát nhân dân năm 2017 đã đề ra 04 nhiệm vụ trọng tâm cho hoạt động của toàn Ngành, trong đó nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là: “ Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm không làm oan người vô tội , không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị công tác của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tối cao đã ban hành”. Tại tiêu mục 1.3 của mục này đã nêu rõ:

+Tăng cường trách nhiệm công tố, tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự; tăng số lượng, chất lượng, hiệu quả các phiên tòa rút kinh nghiệm; phối hợp với Tòa án tổ chức từ 02 đến 03 phiên tòa rút kinh nghiệm đối

với mỗi kiểm sát viên, tổ chức từ 02 đến 03 phiên tòa đối với mỗi viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, được truyền hình trực tuyến đến Viện kiểm sát hai cấp tại địa phương để cùng rút kinh nghiệm, mỗi lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử từ 02 đến 03 vụ án/năm.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ nêu trên nhất là nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa hình sự chúng ta cần quan tâm một số vấn đề sau:

- Thứ nhất: phải bảo đảm việc quyết định truy tố án hình sự thật chính xác và có căn cứ pháp luật. Không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

- Thứ hai: tăng cường công tác kiểm sát việc chuẩn bị xét xử của Tòa án theo các qui định tại Điều 170 đến Điều 200 BLTTHS; Nghị Quyết 04/HĐTP-TANDTC ngày 05/12/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và qui chế 960/VKSTC ngày 16-9-2007 của VKSNDTC cụ thể:

+ Kiểm sát việc thụ lý hồ sơ của Tòa án, giao Thẩm phán nào nghiên cứu?

+ Kiểm sát việc ra các quyết định, việc giao các quyết định như quyết định thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, quyết định trả hồ sơ điều tra bổ xung, hoặc các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án... Tất cả các quyết định này đều phải có căn cứ pháp luật và được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo đúng qui định tại điều 182 BLTT.

-Thứ ba: là tăng cường trách nhiệm công tố, tranh tụng và kiểm sát hoạt động tư pháp của KSV tại phiên Tòa gồm có:

1. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Kiểm sát viên phải có mặt trước tại phòng xử án từ 5- 10 phút và ngồi tại vị trí công tố (Điều 189 BLTTHS) để:

+ Kiểm sát việc Thư ký Tòa án có phổ biến phổ biến nội quy phiên tòa không? (Điều 197 BLTTHS).

+ Thông qua hoạt động của thư ký để kiểm sát sự có mặt hoặc vắng mặt của những người tham gia tố tụng như: bị cáo, bị hại, người làm chứng, bị đơn dân sự, người giám định, người phiên dịch...đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử trước đó để chuẩn bị phương án trả lời hoặc giải thích với Hội đồng xét xử ở giai đoạn sau.

+ Khi Hội đồng xét xử bước vào phòng xử án, Kiểm sát viên cũng như tất cả mọi người tham gia phiên tòa phải đứng dậy chào . Việc này thể hiện sự tôn trọng một tập thể nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xét xử tội phạm và người phạm tội. Trường hợp có người không đứng dậy hoặc gây mất trật tự mà Hội đồng xét xử không phát hiện hoặc không nhắc nhở thì kiểm sát viên phải kịp thời kiến nghị với Hội đồng xét xử yêu cầu mọi người trong phòng xử án phải tuân thủ nội quy phiên tòa mà đồng chí thư ký đã phổ biến, nếu ai không chấp hành thì đề nghị các đồng chí cảnh sát hỗ trợ tư pháp đưa người đó ra khỏi phòng xử án. Kiểm sát viên cũng có thể nhìn thẳng về phía người đó và yêu cầu họ đứng dậy, chấp hành nội quy phiên tòa.

+ Kiểm sát viên phải kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử xem Có thống nhất với thành phần Hội đồng xét xử đã ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử mà Viện kiểm sát đã được nhận từ trước đó không? Đặc biệt lưu ý đối với những vụ án mà bị cáo bị truy tố về tội danh có quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình thì Hội đồng xét xử sơ thẩm phải có 2 Thẩm phán và 3 Hội thẩm; những vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội thì thành phần

Hội đồng xét xử phải có hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có hiểu biết về tâm lý người dưới 18 tuổi....

+ Việc khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử của Hội đồng xét xử (phải thống nhất với giờ, ngày cũng như nội dung đã ghi trong quyết định gửi từ trước đó)

+ Việc thư ký phiên tòa báo cáo sự có mặt hoặc vắng mặt của những người tham gia tố tụng đã được kiểm tra.

- Sau khi đọc xong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán chủ tọa phiên tòa đề nghị thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người được triệu tập đã có mặt, nếu có người vắng mặt đề nghị báo cáo lý do của sự vắng mặt. Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe nội dung báo cáo của thư ký xem có phù hợp thực tế đã kiểm tra trước đó hay không?

- Khi chủ tọa kiểm tra căn cước, lý lịch của những người được triệu tập đến phiên tòa đã có mặt theo giấy triệu tập theo quy định Kiểm sát viên cũng phải chú ý lắng nghe và đối chiếu với hồ sơ, lý lịch của họ để đảm bảo sự chính xác, khách quan, đồng thời có cơ sở kiến nghị bổ sung ở phần kết thúc thủ tục này.

- Hội đồng xét xử phải hỏi kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch... hay không? Khi có người yêu cầu thay đổi ai trong số những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch thì phải căn cứ vào các điều luật tương ứng để xem xét và quyết định hoặc kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Giải quyết yêu cầu về xem xét chứng cứ và hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt

- Kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải hỏi các thành viên trong Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa xem có ai bổ sung, thay đổi gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa hay không? Nếu có thì Hội đồng xét xử hội ý, thảo luận và quyết định theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình kiểm sát hoạt động tư pháp ở phần thủ tục này, kiểm sát viên phải theo dõi, ghi chép để phát biểu quan điểm đề nghị bổ sung, thay đổi, tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

## 2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong phần xét hỏi tại phiên tòa

- *Kỹ năng công bố bản cáo trạng (Điều 206)*

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm sát viên khi thực hiện quyền công tố trong giai đoạn xét xử thì việc đầu tiên là công bố bản cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa

+ Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung làm rõ thêm nội dung cáo trạng, nếu có (Điều 21 Quy chế 960/ 2007/ QĐ- VKSTC). Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Trước khi đọc, công bố cáo trạng phải “Thưa Hội đồng xét xử”

+ Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng phải to, rõ ràng, mạch lạc, phát âm chuẩn từ phổ thông tiếng Việt. Không được nói ngọng, nói nhịu... khi đọc công bố cáo trạng phải hướng về phía Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa trong phòng xử án, (tùy theo từng tình tiết cụ thể).

+ Tư thế tác phong của kiểm sát viên tại phiên tòa phải trang nghiêm, mặc đúng trang phục của Ngành.



- *Kỹ năng tham gia xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ*

- Về trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa quy định tại các Điều 207, 208, 209... của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tuy nhiên cần quán triệt và thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản hoàn toàn mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như nguyên tắc “tôn trọng và bảo vệ quyền con người” (Điều 8), nguyên tắc “suy đoán vô tội” (Điều 13); nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Điều 26).v.v.

- Trên cơ sở đề cương tham gia xét hỏi đã chuẩn bị, Kiểm sát viên đặt câu hỏi theo trình tự Điều 207, chú ý lắng nghe những câu hỏi của Luật sư để phát hiện những vấn đề sơ hở hoặc những ý kiến không nằm trong nội dung vụ án để chuẩn bị luận cứ phản bác. Khi luật sư hoặc người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu mới tại phiên tòa, Kiểm sát viên cần kiểm tra xét hỏi về nguồn gốc để có quan điểm kết luận chính xác. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận tài liệu có thể làm thay đổi nội dung, tính chất vụ án thì kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh. Khi hỏi bị cáo phải hỏi riêng từng bị cáo và phải hỏi theo khoản 2 Điều 209 trước “bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng

- Nhiệm vụ của hoạt động xét hỏi bị cáo tại phiên tòa là kiểm tra làm rõ các đặc điểm về lý lịch, nhân thân bị cáo, địa điểm xảy ra vụ án, thủ đoạn gây án, che dấu tội phạm, diễn biến hành vi phạm tội, công cụ, phương tiện gây án, số lượng, đặc điểm hung khí hoặc trị giá tài sản đã chiếm đoạt hoặc khối lượng ma túy.v.v.

Ví dụ: Đối với tội phạm giết người hoặc gây thương tích thì có thể hỏi một số câu hỏi sau:

- Bị cáo khai rõ hành vi đâm, đánh, chém như thế nào? có những ai tham gia?

- Hành vi đâm, đánh, chém bằng phương tiện dụng cụ, hung khí gì?
- Sử dụng tay (chân) nào để đánh, đâm...?
- Thường ngày bị cáo thuận tay (chân) nào?
- Đặc điểm của dụng cụ, hung khí gây án?...
  - Hậu quả của việc đâm, đánh, chém như thế nào? Bị cáo nhận thức như thế nào về sự việc đã gây ra?
  - Mối quan hệ của bị cáo với bị hại? Sau khi gây án thì đi đâu? Làm gì, ai biết.v.v.
  - Kiểm sát viên chỉ hỏi những vấn đề mà Hội đồng xét xử chưa hỏi hoặc chưa được làm rõ. Cần quan tâm làm rõ động cơ, mục đích của tội phạm, không hỏi trùng lặp, không vừa hỏi vừa giải thích hay nhận định về hành vi phạm tội.
  - Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Kiểm sát viên đã làm tốt công tác chuẩn bị như: nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, tìm hiểu đặc điểm về nhân thân, về thủ đoạn gây án, tâm lý, thái độ của bị can; xác định tài liệu chứng cứ có thể sử dụng trong xét hỏi, nội dung diễn biến hành vi phạm tội, dự kiến câu hỏi, lựa chọn chiến thuật sẽ áp dụng cho phù hợp với từng bị cáo cụ thể, phải triệt để sử dụng kết quả điều tra thu thập được từ lấy lời khai người bị hại, người làm chứng, nhận dạng, khám nghiệm hiện trường và các bản cung bị can nhận tội trong quá trình điều tra, truy tố để phục vụ cho việc xét hỏi bị cáo tại phiên tòa:
    - + *Trường hợp bị cáo không trả lời*: Kiểm sát viên tiếp tục hỏi những người khác (bị hại, người làm chứng hoặc bị cáo khác...) và xem xét vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án và khi hỏi người bị hại, người làm chứng, người giám định v.v, xong thì quay lại hỏi tiếp bị cáo. Lần hỏi này kiểm sát viên cần dùng những lời khai của những người có liên quan trước đó, kết hợp việc công bố tài

liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố để đấu tranh với bị cáo (chỉ công bố lời khai theo quy định của Điều 208 Bộ luật tố tụng hình sự) và trên cơ sở đó phân tích làm rõ nội dung, thủ đoạn phạm tội của bị cáo, lên án thái độ khai báo thiếu thành khẩn tại phiên tòa.

+ *Trường hợp bị cáo không nhận tội, phản cung*: Tình huống này thường gặp trong các vụ án lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, gây thương tích phức tạp, có nhiều bị cáo tham gia, vụ án có luật sư tham gia bào chữa. Trong trường hợp này Kiểm sát viên phải bình tĩnh sử dụng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án và các tài liệu đã xét hỏi tại phiên tòa để đấu tranh, thuyết phục bị cáo. Đồng thời kiểm sát viên cần hỏi người làm chứng về tình tiết liên quan đến câu hỏi đã hỏi bị cáo, sau đó Kiểm sát viên cho xem các tài liệu, vật chứng để bác bỏ lời khai không chính xác của bị cáo.

-Xét hỏi bị hại: trong các vụ án hình sự nói chung, đa số kẻ phạm tội khi gây án thường tiếp xúc trực tiếp với bị hại, nên người bị hại có cơ hội và điều kiện để biết về thủ phạm và chứng kiến diễn biến của sự việc phạm tội xảy ra. Do đó việc xét hỏi bị hại là một việc làm rất quan trọng, nhằm làm rõ sự thật của vụ án và góp phần cùng Hội đồng xét xử quyết định bản án khách quan, đúng quy định của pháp luật. Việc lấy lời khai bị hại thực hiện theo quy định của Điều 310 Bộ luật tố tụng hình sự và cần làm rõ những nội dung cơ bản sau:

+Thời gian, địa điểm xảy ra vụ án.

+ Hành vi khách quan của bị can, bị cáo? quá trình diễn biến sự việc phạm tội?

+ Số lần hoặc giá trị tài sản bị thiệt hại? tình trạng sức khỏe bị xâm phạm?

...

+ Quan hệ của bị hại với kẻ phạm tội? có ai biết về việc đó?

- + Phương tiện, công cụ, hung khí mà kẻ phạm tội thực hiện?
- + Ngoài hành động phạm tội thì có lời nói như thế nào?
- + Yêu cầu bồi thường? đề nghị xử lý?....

Khi hỏi người bị hại, cần sử dụng các chứng cứ khác để kiểm tra và loại trừ những tình tiết khai không đúng sự thật, không phù hợp của người bị hại, khi Hội đồng xét xử hỏi người bị hại, Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe, ghi chép đầy đủ những nội dung trình bày của người bị hại, từ đó cân nhắc đặt câu hỏi tiếp theo như thế nào? để tránh trùng lặp và bổ sung làm rõ những nội dung chưa được xét hỏi. Khi đặt câu hỏi làm rõ những nội dung trên, Kiểm sát viên cần chú ý tập trung hỏi những tình tiết liên quan đến vụ án mà cáo trạng đã đề cập, những vấn đề mà họ trình bày chưa rõ và còn mâu thuẫn trong việc xác định lợi ích, nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- **Xem xét vật chứng:** xem xét tại chỗ, nghe và xem nội dung ghi âm, ghi hình chỉ trong trường hợp xét thấy cần thiết và phải thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tóm lại khi xét hỏi cần phải hỏi cụ thể, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, không được đặt các câu hỏi có tính chất khẳng định, mớm cung, bức cung hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người được hỏi.

- Kết thúc xét hỏi theo quy định của Điều 216 Bộ luật tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử phải xem xét tất cả các tình tiết của vụ án đã đầy đủ chưa? Nếu đã xem xét đầy đủ rồi thì Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa xem họ có yêu cầu xét hỏi thêm vấn đề gì không?

+ Khi có người yêu cầu thì xem xét yêu cầu đó, nếu yêu cầu đó có căn cứ thì chủ tọa quyết định tiếp tục xét hỏi (nếu chủ tọa không quyết định thì Kiểm sát viên kiến nghị thực hiện).

+ Chuẩn bị phát biểu luận tội

- Kiểm sát viên cần quán triệt tranh tụng là nguyên tắc Hiến định (khoản 5 Điều 103 Hiến pháp) và được khẳng định lại trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

\* Dự thảo chi tiết đề cương luận tội đã được chuẩn bị ở giai đoạn chuẩn bị xét xử cụ thể:

- Điều 23 Quy chế 960...

- Khái niệm, ý nghĩa của việc luận tội...?

- Yêu cầu của một bản luận tội

+ Luận tội phải có căn cứ, chính xác và khách quan.

+ Luận tội phải có tính giáo dục, thuyết phục và phòng ngừa.

+ Luận tội phải đáp ứng được yêu cầu về hình thức thể hiện.

- Kỹ năng xây dựng bản luận tội:

+ Phải chuẩn bị kỹ các tài liệu cần thiết cho bản luận tội.

+ Phải trên cơ sở hồ sơ vụ án và phải được kiểm tra công khai tại phiên tòa.

- Kết cấu bản luận tội gồm 3 phần: thực hiện đúng theo mẫu số 136 quy chế 960/2007-QĐ-VKSTC.

- Kiểm sát viên phải căn cứ vào diễn biến thực tế trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa để bổ sung, hoàn chỉnh bản dự thảo luận tội (chuẩn bị ở giai đoạn trước). Kiểm sát viên phát biểu luận tội phải to, rõ ràng, mạch lạc, đánh thép thể hiện thái độ của quyền công tố nhà nước mà mình là người đại diện, khi phát biểu luận tội

phải hướng mặt về phía Hội đồng xét xử hoặc bị cáo, hoặc những người tham dự phiên tòa, tùy thuộc tính chất của từng vấn đề trong vụ án.

- Kiểm sát viên cần biểu hiện thái độ ứng xử, sử dụng từ ngữ, cách xưng hô, phong cách có văn hóa tại phiên tòa hình sự, bảo đảm sự tôn trọng việc điều khiển của thẩm phán chủ tọa phiên tòa, của Hội đồng xét xử, tôn trọng quyền, nghĩa vụ và lợi ích của những người tham gia tố tụng, nhất là những người trực tiếp tham gia tranh luận với mình.

- Luận tội chỉ được căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa (Điều 217 BLTTHS). Bản luận tội phải “thấu tình, đạt lý”, phải phân tích đánh giá chính xác các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Đánh giá chứng cứ theo yếu tố cấu thành tội phạm, phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của các Điều 63,64,65,66, Bộ luật tố tụng hình sự; Luận tội phải có tính giáo dục, thuyết phục cao.

- Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần cáo trạng hoặc kết luận về tội danh nhẹ hơn, xác định tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, các loại hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp cần áp dụng, vấn đề bồi thường dân sự trong vụ án hình sự .v.v. đều phải trên cơ sở kết quả cuộc điều tra công khai tại phiên tòa để quyết định.

- Tại phiên tòa nếu có tình tiết mới làm thay đổi quyết định truy tố, dự kiến đường lối xử lý vụ án đã được lãnh đạo Viện cho ý kiến mà không có điều kiện báo cáo lại thì kiểm sát viên phải xem xét quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Lưu ý rằng cáo trạng do lãnh đạo Viện kiểm sát ký duyệt, nhưng trách nhiệm bảo vệ cáo trạng là thuộc Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Vì

vậy giữ nguyên, thay đổi, bổ sung cáo trạng truy tố phải căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa để quyết định.

- Đối với các vụ án khởi tố theo yêu cầu người bị hại, sau khi Kiểm sát viên phát biểu luận tội, chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ phát biểu lời buộc tội bổ sung ngoài những ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Đây là quy định bắt buộc nên kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phải hết sức lưu ý, nếu thẩm phán chủ tọa quên hoặc bỏ qua thì Kiểm sát viên cần kiến nghị ngay để thực hiện trước khi chuyển sang việc đối đáp.

*- Kỹ năng tranh luận*

- Hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự là làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm góp phần cùng Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai cũng như bỏ lọt tội phạm. Như vậy, tranh luận của Kiểm sát viên không chỉ là buộc tội mà cần phải chú ý cả vấn đề gỡ tội. Mỗi vụ án hình sự có đặc điểm riêng không vụ án nào giống tuyệt đối các vụ án trước đó, nên nội dung tranh luận của Kiểm sát viên cũng phải khác nhau, nhưng phải bảo đảm đúng các yêu cầu sau đây: Phải bảo vệ cáo trạng; phải căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa; bảo đảm nội dung tranh luận chính xác và thuyết phục cao.

- Một số kỹ năng Kiểm sát viên cần lưu ý khi tranh luận:

+ Nghe, ghi chép thông tin đầy đủ

+ Phân tích thông tin phải thực hiện đồng thời với quá trình nghe và ghi lại các ý kiến của luật sư hoặc người tham gia tố tụng khác....

+ Kỹ năng lập luận, chứng minh, phản bác

Khi tranh luận, kiểm sát viên đối đáp từng ý kiến một. Trong trường hợp nhiều luật sư, nhiều người tham gia tố tụng bào chữa, Kiểm sát viên có thể nêu tổng số có bao nhiêu người bào chữa trong đó có những ý kiến chủ yếu giống nhau để lập luận, đối đáp theo từng nhóm ý kiến hoặc theo từng ý kiến riêng biệt. Cần tập trung đối đáp những vấn đề chủ yếu của vụ án, vấn đề liên quan đến các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, xử lý bồi thường dân sự trong hình sự và các biện pháp tư pháp khác... Tùy thuộc vào nội dung mà người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng đưa ra. Nếu tại phiên tòa, luật sư hoặc những người tham gia tố tụng đưa ra những vấn đề ngoài phạm vi vụ án, kiểm sát viên cần chủ động đề nghị Hội đồng xét xử chấn chỉnh. Thực hiện tốt công tác này sẽ làm nổi bật vị trí, vai trò của Kiểm sát viên trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tranh luận với luật sư phải thể hiện sự cầu thị, tiếp thu những quan điểm hợp lý của luật sư nhưng cũng phải kiên quyết phản bác những quan điểm sai trái.

-Thứ nhất: Đối đáp với tình huống bào chữa theo hướng chứng minh bị cáo không có tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

-Thứ hai: Đối đáp tình huống bào chữa về tội danh khác nhẹ hơn tội danh cáo trạng truy tố

-Thứ ba: Đối đáp với tình huống bào chữa đưa ra sai sót trong quá trình điều tra, truy tố bỏ lọt tội phạm để đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

- Thứ tư : Đối đáp tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đây là trường hợp trong thực tế xét xử còn ít kiểm sát viên quan tâm đối đáp, tranh luận với những người tham gia tố tụng này.



+ Kỹ năng chọn thời điểm dừng lại, kết thúc một vấn đề hoặc kết thúc phiên tòa.

- *Kỹ năng của Kiểm sát viên trong phần nghị án, tuyên án và sau phiên tòa.*

- Khi thẩm phán kết thúc phần luận tội và đối đáp tranh luận để vào phòng nghị án phải thực hiện việc giám sát bị cáo tại phiên tòa, tuyên bố “giao bị cáo cho các lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp dẫn giải để giám sát bị cáo trong quá trình nghị án”. Đối với bị cáo không bị giam giữ cũng phải tuyên bố “các bị cáo có nghĩa vụ chấp hành nội quy phiên tòa, phải có mặt khi Hội đồng xét xử vào tuyên án”.

- Chỉ Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền vào phòng nghị án (Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự), nếu có bất kỳ một người nào khác bước vào phòng nghị án trong khi Hội đồng xét xử đang nghị án thì Kiểm sát viên phải kịp thời phát hiện và yêu cầu thư ký tòa án ghi vào biên bản phiên tòa, làm cơ sở cho việc kháng nghị sau này.

- Khi Hội đồng xét xử ra tuyên án tất cả mọi người có mặt trong phòng xử án phải đứng dậy nghe cho đến khi chủ tọa phiên tòa cho phép Kiểm sát viên và mọi người ngồi

+ Kiểm sát viên phải chú ý ghi những vấn đề về tội danh, khung, khoản của điều luật, áp dụng về đường lối, mức hình phạt. Những vấn đề về các biện pháp tư pháp khác, hoặc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự .v.v. có khác biệt với đề nghị của kiểm sát viên để làm cơ sở báo cáo kháng nghị phúc thẩm sau phiên tòa.

-Kiểm sát biên bản phiên tòa (khoản 4 Điều 200 Bộ luật tố tụng hình sự). Đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, án điểm, án có tính chất phức tạp thì kiểm sát viên bắt buộc phải kiểm tra biên bản phiên tòa. Khi kiểm tra phải yêu cầu

có chủ tọa phiên tòa, thư ký tòa án để nếu cần thiết sửa chữa, bổ sung những vấn đề thiếu hoặc không chính xác thì thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiểm sát việc trả tự do cho bị cáo trong các trường hợp bị cáo được tuyên không phạm tội, được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, bị cáo được xử án treo, cải tạo không giam giữ hoặc bị cáo được tuyên mức án bằng với thời hạn đã tạm giam

- Kiểm sát việc bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Sau khi kết thúc phiên tòa, kiểm sát viên phải làm ngay báo cáo kết quả xét xử và sao gửi bản án hoặc quyết định của tòa án cho Viện kiểm sát cấp trên

- Báo cáo đề xuất kháng nghị phúc thẩm (nếu có) hoặc ra văn bản kiến nghị những vi phạm nhỏ.

- Họp rút kinh nghiệm sau phiên tòa (đối với những vụ án điếm, án đặc biệt nghiêm trọng) với Hội đồng xét xử hoặc nội bộ cơ quan.

- Tuyên truyền kết quả phiên tòa với các cơ quan thông tin báo chí.v.v (Điều 27, 28, 30, quy chế 960/ 2007/ QĐ-VKSTC)

Hà Nội, tháng 3 năm 2017